

Số: DBLU_25/03h30/DBQG

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2024

**TIN LŨ KHẨN CẤP TRÊN SÔNG CẦU, SÔNG THƯƠNG,
SÔNG LỤC NAM, SÔNG HOÀNG LONG VÀ SÔNG THÁI BÌNH
TIN LŨ TRÊN SÔNG HỒNG**

1. Hiện trạng diễn biến lũ đã qua

- Lũ trên sông Cầu (tỉnh Bắc Ninh) đã đạt đỉnh ở mức 7,79m (trên BĐ3 1,49m) lúc 20h/12/9, dưới mức lũ lịch sử năm 1971 (7,84m) 0,05m và đang xuống chậm.

- Lũ trên sông Thái Bình (Thành phố Hải Dương) đang xuống chậm.

- Lũ trên sông Hoàng Long (tỉnh Ninh Bình) tại Bến Đé đã đạt đỉnh ở mức 4,93m (trên BĐ3 0,93m) lúc 19h/12/9 và đang xuống chậm.

- Lũ trên sông Thương (tỉnh Bắc Giang) đang xuống chậm.

- **Lũ trên sông Hồng (Thành phố Hà Nội) đang xuống.**

- Lũ trên sông Lục Nam (tỉnh Bắc Giang) đang xuống chậm.

Mức nước lúc 01h/13/9, trên các sông như sau:

- **Trên sông Cầu tại Đập Cầu 7,74m, trên BĐ3 1,48m; dưới mức nước lũ lịch sử năm 1971 (7,84m) 0,06m**

- Trên sông Thương tại Phủ Lạng Thương 7,06m, trên BĐ3 0,76m;

- Trên sông Lục Nam tại Lục Nam 6,32m, trên BĐ3 0,02m;

- Trên sông Hoàng Long tại Bến Đé 4,88m, trên BĐ3 0,88m;

- Trên sông Thái Bình tại Phả Lại 6,17m, trên BĐ3 0,17m;

- **Trên sông Hồng tại Hà Nội 10,50m, ở mức BĐ2.**

2. Dự báo:

Trong 12 giờ tới:

Lũ trên sông Hồng tại Hà Nội sẽ xuống dưới mức BĐ2; trên sông Lục Nam xuống dưới mức BĐ3; trên sông Cầu tại Đập Cầu, sông Thương tại Phủ Lạng Thương, sông Lục Nam tại Lục Nam, sông Hoàng Long tại Bến Đé tiếp tục xuống nhưng vẫn ở trên mức BĐ3.

Trong 12-24 giờ tiếp theo

Lũ trên sông Cầu, sông Thương và sông Hoàng Long tiếp tục xuống nhưng vẫn ở trên mức BĐ3; sông Lục Nam và sông Thái Bình tiếp tục xuống nhưng vẫn trên mức BĐ2; sông Hồng tại Hà Nội sẽ xuống dưới mức BĐ1.

(Chi tiết mức nước thực đo, dự báo các điểm trong Phụ lục 1).

Cảnh báo: Trong 24 giờ tới, mực nước nhiều trạm hạ lưu hệ thống sông Hồng-Thái Bình có xu thế biến đổi chậm, phổ biến ở mức cao từ BĐ2-BĐ3, có nơi trên mức BĐ3.

3. Cảnh báo nguy cơ ngập lụt, khả năng xảy ra các thiên tai khác đi kèm

Quá trình thoát lũ, giảm lũ trên hệ thống sông Hồng có khả năng diễn ra chậm, nên tình trạng ngập còn diễn ra nhiều ngày tại các vùng trũng, vùng thấp ven sông, bãi bồi ngoài đê chính tại các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Bắc Giang, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình, Hà Nam, Hải Dương.

Mực nước lũ lên cao kéo dài nhiều ngày có thể gây tràn vỡ các đê bồi ven sông, sạt lở đê, kè có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến các vị trí xung yếu ven sông thuộc các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Hà Nam, Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Ninh Bình.

Nguy cơ xảy ra sạt lở đất trên các sườn dốc ở khu vực vùng núi Bắc Bộ (*thông tin dự báo, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất thời gian thực được cung cấp trực tuyến trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Khí tượng Thủy văn tại địa chỉ: <http://luquetsatlo.nchmf.gov.vn/> và trong bản tin riêng cảnh báo lũ quét, sạt lở đất*).

(Chi tiết huyện có nguy cơ ngập lụt trong Phụ lục 2).

4. Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do lũ: Cấp 3

5. Cảnh báo tác động của lũ:

Mực nước trong sông đang ở mức cao gây ngập lụt sâu, ngập lụt vùng ven sông, vùng trũng thấp, các bãi nổi trên diện rộng kéo dài ở một số khu vực sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, nhiều vùng dân cư của địa phương có thể gây nguy hiểm cho đời sống sinh hoạt, sản xuất của nhân dân, đe dọa đến tính mạng và tài sản của nhân, ảnh hưởng tới các hoạt động giao thông đường thủy, nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp dân sinh và các hoạt động kinh tế xã hội, đặc biệt tại hạ lưu sông Hồng-Thái Bình.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 09h00 ngày 13/9/2024

Tin phát lúc: 03h30

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Văn Đại

Phụ lục 1. Bảng trị số mực nước thực đo và dự báo

| Sông | Trạm | Yếu tố | Thực đo | Dự báo | | | | | | | | | |
|------------|-----------------|--------------|-------------|-------------|-------------|-------------|------------|------------|------------|-------------|-------------|--------|---------------------|
| | | | 01h/13/9 | 07h/13/9 | 13h/13/9 | 19h/13/9 | 1h/14/9 | 07h/14/9 | 13h/14/9 | 19h/14/9 | 1h/15/9 | H đỉnh | Thời gian xuất hiện |
| Cầu | Đáp Cầu | H (cm) | 774 | 765 | 755 | 740 | 720 | | | | | | |
| | | So sánh (cm) | >BĐ3 144 | >BĐ3 135 | >BĐ3 125 | >BĐ3 110 | >BĐ3 90 | | | | | | |
| Thương | Phủ Lạng Thương | H (cm) | 706 | 695 | 680 | 665 | 645 | | | | | | |
| | | So sánh (cm) | >BĐ3 76 | >BĐ3 65 | >BĐ3 50 | >BĐ3 35 | >BĐ3 15 | | | | | | |
| Lục Nam | Lục Nam | H (cm) | 632 | 625 | 615 | 600 | 580 | | | | | | |
| | | So sánh (cm) | >BĐ3 2 | <BĐ3 5 | <BĐ3 15 | <BĐ3 30 | >BĐ2 50 | | | | | | |
| Thái Bình | Phả Lại | H (cm) | 617 | 610 | 600 | 590 | 580 | 565 | 550 | | | | |
| | | So sánh (cm) | >BĐ3 17 | >BĐ3 10 | BĐ3 | <BĐ3 10 | <BĐ3 20 | >BĐ2 65 | >BĐ2 50 | | | | |
| Hoàng Long | Bến Đé | H (cm) | 488 | 480 | 470 | 455 | 435 | | | | | | |
| | | So sánh (cm) | >BĐ3 88 | >BĐ3 80 | >BĐ3 70 | >BĐ3 55 | >BĐ3 35 | | | | | | |
| Hồng | Hà Nội | H (cm) | 1050 | 1020 | 990 | 960 | 930 | 900 | 870 | 840 | 800 | | |
| | | So sánh (cm) | BĐ2 | <BĐ2 50 | >BĐ1 40 | >BĐ1 10 | <BĐ1 20 | <BĐ1 50 | <BĐ1 80 | <BĐ1 110 | <BĐ1 150 | | |

Phụ lục 2. Nguy cơ ngập lụt ở các vùng trũng, thấp tại các Quận/ huyện

| TT | Tỉnh | Quận/Huyện có nguy cơ ngập lụt |
|-----------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Bắc Giang | Thành phố Bắc Giang, Hiệp Hòa, Việt Yên, Lục Ngạn, Lạng Giang, Lục Nam |
| 2 | Thái Nguyên | Tp. Thái Nguyên, Tp. Sông Công, Phú Lương, Đồng Hỷ, Phú Bình, Tx. Phổ Yên |
| 3 | Bắc Ninh | Thành phố Bắc Ninh, Yên Phong, |
| 4 | Phú Thọ | Tân Sơn, Thanh Sơn, Tam Nông, Yên Lập, Hạ Hòa, Thanh Ba, Cẩm Khê, Lâm Thao, Đoan Hùng. |
| 6 | Tuyên Quang | Hàm Yên, Chiêm Hóa, Thành phố Tuyên Quang, Yên Sơn, Sơn Dương |
| 7 | Hà Nội | Tây Hồ, Long Biên, Hoàn Kiếm, Gia Lâm, Thanh Oai, Chương Mỹ, Ứng Hòa, Sóc Sơn, Đông Anh |
| 8 | Ninh Bình | Nho Quan, Gia Viễn, Yên Khánh |
| 9 | Hải Dương | Thanh Hà, Kinh Môn, Nam Sách, Tứ Kỳ, Thanh Miện, Ninh Giang, Chí Linh, thành phố Chí Linh, thành phố Hải Dương |
| 10 | Thái Bình | Hung Hà, Vũ Thư, Kiến Xương, Quỳnh Phụ, thành phố Thái Bình |
| 11 | Nam Định | Thành phố Nam Định, Ý Yên, Vụ Bản, Nam Trực, Trực Ninh, Xuân Trường, Giao Thủy |
| 12 | Hà Nam | Kim Bảng, thành phố Phủ Lý, Thanh Liêm |
| 13 | Vĩnh Phúc | Yên Lạc, Lập Thạch |